TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **17**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2025.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thuý và ông Nguyễn Văn Thấu;

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST - HNGĐ ngày 23/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đắc Thị V, sinh ngày 24/5/1995;

ĐKHKTT và cư trú: Thôn Đ, xã N, thành phố Hải Phòng.

Căn cước công dân số: 030195000xxxx.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/5/1995;

ĐKHKTT và cư trú: Thôn Đ, xã N, thành phố Hải Phòng.

Căn cước công dân số: 03009500xxxx.

Tại phiên tòa vắng mặt chị V, anh H (đều xin xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai nguyên đơn chị Đắc Thị V trình bầy: Chị và anh Nguyễn Văn H, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/7/2014. Sau khi cưới vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn,

đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không tốt lên; vợ chồng đã sống ly thân gần 4 năm, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh H, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh Hợi có 02 con chung là Nguyễn Thị S, sinh ngày 07/12/2014 (hiện đang ở cùng anh H) và cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 21/12/2016 (hiện đang ở cùng chị). Chị và anh H thống nhất, sau ly hôn giữ nguyên việc anh H nuôi cháu S, chị nuôi cháu Y; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị xác định không có.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: Bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao (căn cước công dân của chị V, anh H, giấy khai sinh của 2 con).

Tại bản tự khai, anh Nguyễn Văn H xác nhận về điều kiện kết hôn như chị V trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mẫu thuẫn. Nguyên nhân là do không hoà hợp trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung nên hay cãi vã. Từ năm 2020 chị V về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Anh xác định cũng không còn tình cảm với chị V và đồng ý ly hôn chị V. Về con chung, anh nhất trí mỗi người nuôi một con như chị V trình bày và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Anh cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức gì đối với bố mẹ hai bên.

Tại văn bản ý kiến trình bày của cháu Nguyễn Hoàng Y (có sự chứng kiến của chị V), cháu Y có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ.

Tại văn bản ý kiến trình bày của cháu Nguyễn Thị s (có sự chứng kiến của chị V), cháu S có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, có mặt chị V, anh H xin vắng mặt.

Tại phiên toà vắng mặt bị đơn lần thứ hai; nguyên đơn và bị đơn đều xin vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự...; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và

gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đắc Thị V, cho chị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị S, sinh ngày 07/12/2014 cho anh H; giao cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 21/12/2016 cho chị V nuôi dưỡng đến khi mỗi cháu thành niên. Chị V, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị V chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đắc Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng, đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH quy định về thẩm quyền theo lãnh thổ khu vực, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

Người tham gia tố tụng: anh H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2; anh H và chị V đều có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. **Về nội dung**:

Quan hệ hôn nhân: Chị Đắc Thị V và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng) vào ngày 28/7/2014, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị V, anh H chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng do anh chị không còn thiện chí tiếp tục sống cùng nhau nên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, điều đó thể hiện anh chị không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Nay chị V xin ly hôn, anh H đồng ý; Hội

đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân của chị V, anh H không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại nên yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan hệ con chung: Chị V và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị S, sinh ngày 07/12/2014 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 21/12/2016; anh chị đều đề nghị sau ly hôn giữ nguyên việc anh H nuôi cháu S, chị V nuôi cháu Y; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Xét thấy sự thống nhất về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của anh chị đã đảm bảo về mọi mặt cho các con và phù hợp với nguyện vọng của cháu S, Y; phù hợp với quy định tại Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị V và anh H đều xác định không có, Hội đồng xét xử không phải giải quyết;

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn (chị V) được chấp nhận, chị V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 3 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH quy định về thẩm quyền theo lãnh thổ khu vực; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đắc Thị V;

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Đắc Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Sau ly hôn, giao con chung Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 21/12/2016 cho chị Đắc Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung Nguyễn Thị S, sinh ngày 07/12/2014 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; đến khi các con chung thành niên (tròn 18 tuổi) hoặc khi chị V, anh H có thoả thuận, yêu cầu khác. Anh H, chị V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh H, chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh, chị.

3. Về án phí: Chị Đắc Thị V phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/23 số 0001813 ngày 15/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Hải Phòng. Chị V đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị V, anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11- Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11- Hải Phòng;
- Đương sự;
-UBND xã Nguyên Giáp ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu vụ án; Lưu toà.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm Phán – Chủ toà phiên toà
(*Đã ký***)**